

Bản án số: **129/2026/HNGĐ-ST**

Ngày 12/ 8/ 2026

*“V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con
khi ly hôn”*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10 – NGHỆ AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hà Văn Đông.

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Ông Phan Bá Lịch.

2/ Ông Vi Ngọc Hùng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lò Thị Trang – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 10 - Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 - Nghệ An tham gia phiên tòa:
Bà Vi Thị Việt – Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 8 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 10 - Nghệ An, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 172/2026/TLST – HNGĐ ngày 18 tháng 5 năm 2026 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 152/2026/QĐXXST- HNGĐ ngày 07 tháng 7 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 81/2026/QĐST-HNGĐ ngày 23/7/2026 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh **Trương Văn S**, sinh năm: 1979.

Số định danh công dân: 040079008681.

Địa chỉ: **Xóm M (xóm N cũ), xã M, tỉnh Nghệ An**. (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

2. Bị đơn: Chị **Trương Thị T**, sinh năm: 1983.

Số định danh công dân: 040183027141.

Địa chỉ: **Xóm M (xóm N cũ), xã M, tỉnh Nghệ An**. (Vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện (bổ sung) đề ngày 15/5/2026 và qua lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh **Trương Văn S** trình bày:

Anh **Trương Văn S** và chị **Trương Thị T** đăng ký kết hôn vào ngày 03/01/2002 tại Ủy ban nhân dân xã **T**, huyện **Q** cũ (Sau sắp xếp, sáp nhập nay là **UBND xã T**, tỉnh Nghệ An). Sau một thời gian chung sống với nhau, vì hoàn cảnh kinh tế gia đình chị **T** đi làm xa nhà để có thêm thu nhập hỗ trợ gia đình, anh **S** ở nhà cùng con. Thời gian đầu cuộc sống vợ chồng diễn ra bình thường, trong những năm gần đây hai bên nảy sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân theo anh **S** trình bày do chị **T** không muốn

quay trở về để tiếp tục chung sống cùng anh, kể cả ngày lễ, tết chị **T** cũng không trở về nhà, vợ chồng không còn niềm tin với nhau, do lâu ngày xa cách hai bên không còn chung quan điểm và tiếng nói trong mọi việc, có những lời nói gây tổn thương tình cảm, thiếu sự tôn trọng lẫn nhau, thường xuyên xảy ra cãi vã, cuộc sống chung không còn hạnh phúc. Vợ chồng sống ly thân đã hơn 05 năm, nay anh **Trương Văn S** xác định vợ chồng không còn tình cảm để xây dựng hạnh phúc gia đình nên yêu cầu được giải quyết ly hôn với chị **Trương Thị T**.

Về con chung: Trong thời gian chung sống cùng nhau, anh **Trương Văn S** và chị **Trương Thị T** có 02 (hai) con chung là **Trương Thị Hồng N**, sinh ngày 23/8/2002 và **Trương Thị Hồng N1**, sinh ngày 04/7/2013. Con chung **Trương Thị Hồng N** đã trên 18 tuổi, trưởng thành và tự lập, có công việc, thu nhập tự nuôi sống bản thân nên anh **S** không yêu cầu giải quyết giao nuôi. Đối với người con thứ hai **Trương Thị Hồng N1**, theo anh **S** trình bày từ lúc vợ chồng sống ly thân đến nay chị **T** không quay trở về nhà, không có sự quan tâm, gần gũi con, ý kiến con chung cũng mong muốn được ở cùng với bố, bản thân anh đủ khả năng đảm bảo nuôi dưỡng con chung trưởng thành, giải quyết ly hôn anh **S** yêu cầu giao con chung cho anh trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng và không yêu cầu chị **T** thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh **Trương Văn S** không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Đối với bị đơn chị **Trương Thị T**: Sau khi Tòa án thụ lý giải quyết vụ án đã tiến hành thủ tục tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án, bản sao đơn khởi kiện và các tài liệu chứng cứ kèm theo đơn, cũng như giấy triệu tập và các văn bản tố tụng theo quy định, trong những lần tổng đạt chị **T** đều cố tình trốn tránh, vắng mặt, qua xác minh tại địa phương, lấy lời khai của người thân cung cấp xác định, chị **T** có địa chỉ đăng ký thường trú và chỗ ở tại **xóm M (xóm N cũ), xã M tỉnh Nghệ An**, ngoài ra không có thông tin về việc đăng ký tạm trú, cư trú hoặc làm việc tại địa chỉ khác. Người thân chị **T** cho biết, chị **T** vẫn thường trở về nhà mẹ đẻ và giữ liên lạc với người thân, sau khi nhận được thông báo, biết sự việc anh **S** khởi kiện yêu cầu giải quyết ly hôn không rõ lý do vì sao chị **T** không có mặt để tham gia giải quyết vụ án hoặc có văn bản trình bày ý kiến gửi Tòa án xem xét theo quy định. Tòa án đã tiến hành tổng đạt văn bản tố tụng cho bị đơn thông qua người thân theo quy định tại khoản 5 Điều 177 Bộ luật tố tụng dân sự, người thân cam kết giao tận tay bị đơn, đồng thời đã thông báo cho bị đơn biết để tham gia giải quyết vụ án hoặc có văn bản nêu ý kiến của mình đối với những yêu cầu khởi kiện của bên nguyên đơn gửi Tòa án xem xét. Tuy nhiên sau khi được thông báo theo quy định, chị **T** vẫn vắng mặt không rõ lý do, không tham gia giải quyết vụ án theo yêu cầu, cũng không có văn bản phản hồi ý kiến gửi Tòa án xem xét theo quy định. Do đó vụ án được xác định thuộc trường hợp bị đơn cố tình trốn tránh, vắng mặt không tham gia giải quyết vụ án, không cung cấp tài liệu, chứng cứ theo yêu cầu, do đó Hội đồng xét xử tiếp tục tiến hành giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Tiến hành ghi nhận ý kiến, nguyện vọng của con chung **Trương Thị Hồng N1**, sinh ngày 04/7/2013, con chung có mong muốn và nguyện vọng tiếp tục được ở cùng anh **Trương Văn S** để ổn định nơi sinh sống và học tập như hiện tại.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 - Nghệ An tại phiên tòa: Qua kiểm sát giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi đưa vụ án ra xét xử và tại phiên tòa thấy rằng, trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký, nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, việc tiến hành thủ tục tố tụng tại phiên tòa tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn có mặt tham gia giải quyết vụ việc theo giấy triệu tập, tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn không có mặt, không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định, quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt, bị đơn đã được tổng đạt văn bản tố tụng theo quy định nhưng tiếp tục vắng mặt lần hai tại phiên tòa không có lý do, do đó cần xem xét áp dụng quy định bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đối với các đương sự theo quy định.

Đề nghị áp dụng các Điều 51; 56; 81; 82; 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 28; 35; 39; khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 238; khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự (sửa đổi, bổ sung); điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xét xử:

Về quan hệ hôn nhân: Xem xét chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn, cho anh **Trương Văn S** được ly hôn chị **Trương Thị T**.

Đề nghị xem xét tiếp tục giao con **Trương Thị Hồng N1**, sinh ngày 04/7/2013 cho anh **S** trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Tạm hoãn thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung đối với chị **T** là phù hợp, bên không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết về phần tài sản chung và nợ chung của vợ chồng, bị đơn không có ý kiến phản hồi, do đó đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết mà dành quyền khởi kiện cho các đương sự bằng vụ án khác nếu như có tranh chấp.

Buộc nguyên đơn chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn anh **Trương Văn S** đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn đối với bị đơn chị **Trương Thị T**, đề nghị giao người con thứ hai chưa đủ 18 tuổi cho nguyên đơn trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, đồng thời không yêu cầu bị đơn cấp dưỡng nuôi con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết đối với phần tài sản chung và nợ chung của vợ chồng. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 51 luật Hôn nhân và gia đình và khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự, quan hệ pháp luật trong vụ án được xác định là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”.

[1.1] Sau khi xác minh tại địa phương, xem xét tài liệu, chứng cứ cung cấp có trong hồ sơ xác định bị đơn chị **Trương Thị T** có địa chỉ đăng ký thường trú tại **xóm M (xóm N cũ), xã M, tỉnh Nghệ An**. Không có thông tin về việc bị đơn có địa chỉ tạm trú hoặc đang cư trú, làm việc tại địa chỉ khác, căn cứ quy định tại Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự (sửa đổi, bổ sung). Vụ án được xác định thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 10 - Nghệ An là đúng quy định.

[1.2] Sau khi Tòa án thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt đầy đủ các văn bản tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự cho bị đơn, nhưng bị đơn cố tình vắng mặt, không có ý kiến phản hồi để Tòa án xem xét, không cung cấp địa chỉ để Tòa án liên hệ làm việc, cũng như không có mặt tham gia giải quyết vụ án theo quy định. Căn cứ hướng dẫn theo Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao cùng văn bản pháp luật liên quan, xác định vụ án thuộc trường hợp bị đơn cố tình giấu địa chỉ, cố ý vắng mặt và không cung cấp tài liệu, chứng cứ theo yêu cầu, do đó Tòa án tiếp tục tiến hành thụ lý, giải quyết vụ án theo thủ tục chung là đúng quy định. Trước khi vụ án được đưa ra xét xử nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt tại phiên tòa, bị đơn tiếp tục vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa không có lý do, căn cứ vào khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng tại phiên tòa theo quy định.

[1.3] Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn đã thực hiện, chấp hành đúng và đầy đủ quy định về quyền và nghĩa vụ của mình quy định tại các Điều 70 và 71 của Bộ luật tố tụng Dân sự; Bị đơn không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình, cố tình vắng mặt, không cung cấp địa chỉ liên hệ, không gửi văn bản phản hồi ý kiến để Tòa án xem xét, do đó vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được giữa các đương sự theo Điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Qua xác minh và lời khai của đương sự cung cấp xác định, anh **Trương Văn S** và chị **Trương Thị T** đăng ký kết hôn tự nguyện vào ngày 03/01/2002 tại **Ủy ban nhân dân xã T, huyện Q** cũ (Sau sắp xếp, sáp nhập nay là **UBND xã T, tỉnh Nghệ An**). Hôn nhân giữa hai bên hoàn toàn trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, đảm bảo điều kiện kết hôn, thủ tục đăng ký kết hôn đảm bảo theo đúng quy định của pháp luật, do đó hôn nhân giữa hai bên được công nhận hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc một thời gian, sau đó bắt đầu nảy sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do trong thời gian đi làm xa nhà, do cách xa nhau về khoảng cách, thời gian, dẫn tới vợ chồng không còn sự quan tâm, thương yêu, quý trọng, chăm sóc, hỗ trợ lẫn nhau. Theo ý kiến nguyên đơn ngoài ra trong những năm sống ly thân chị **T** không còn trở về nhà, không có trách nhiệm với gia đình và chăm sóc con chung, xây dựng hạnh phúc gia đình, cuộc sống chung luôn trong tình trạng căng thẳng, mâu thuẫn ngày càng lớn, tình cảm không còn để tiếp tục sống chung. Quá trình giải quyết vụ án và xác minh tại địa phương về mâu thuẫn vợ chồng cho thấy, vợ chồng có nhiều mâu thuẫn không thể hòa giải, nguyên đơn kiên quyết giữ nguyên ý kiến đề nghị giải quyết ly hôn, bị đơn không có ý kiến phản hồi. Xét thấy, mâu thuẫn giữa vợ chồng đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục

đích của hôn nhân không đạt được do đó, cần chấp nhận đơn khởi kiện của anh **Trương Văn S** cho ly hôn đối với chị **Trương Thị T**.

[4] Về con chung: Qua xem xét tài liệu, chứng cứ do đương sự cung cấp, cũng như xác minh về hoàn cảnh, môi trường sống, khả năng chăm sóc, nuôi dưỡng, nguyện vọng của con chung và ý kiến của đương sự, xét thấy rằng việc giao nuôi con khi giải quyết ly hôn phải đảm bảo tôn trọng nguyện vọng, quyền lợi tốt nhất về mọi mặt cho sự phát triển, trưởng thành của con chung về sau. Nhận thấy nguyên đơn và bị đơn đều đang trong độ tuổi lao động, có thu nhập nuôi con, nhưng căn cứ vào tài liệu, chứng cứ thu thập có trong hồ sơ vụ án, lời khai của đương sự cho thấy, từ lúc ly thân chị **T** không còn sự quan tâm, chăm sóc, gần gũi con, không có mặt giải quyết vụ án, do đó không đảm bảo điều kiện để xem xét giao chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Tại thời điểm xác minh để giải quyết vụ án nguyên đơn là bên đang trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con, có sự quan tâm, chăm sóc, gần gũi con, do đó cần tiếp tục xem xét giao con chung cho nguyên đơn tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng để không làm xáo trộn nơi sinh sống và học tập của con, tạo môi trường gần gũi về mặt tình cảm gia đình, cũng như phù hợp với nguyện vọng của con là phù hợp. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung, nguyên đơn không yêu cầu bị đơn thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, cam kết đảm bảo về thu nhập, nơi ở ổn định để chăm sóc, nuôi dưỡng con về mọi mặt cho đến lúc con chung đủ 18 tuổi, trưởng thành, quá trình giải quyết vụ án bị đơn vắng mặt, không có văn bản nêu ý kiến đối với những yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, nên không có căn cứ xác minh về công việc, hoàn cảnh kinh tế, thu nhập cũng như khả năng cấp dưỡng, do đó xem xét tạm hoãn thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với bị đơn là phù hợp.

Bên không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở. Vì lợi ích mọi mặt của con chung, khi có lý do chính đáng hoặc có căn cứ theo quy định của pháp luật, trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức có thẩm quyền thì Tòa án có thể quyết định về việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc buộc thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo quy định. Người không trực tiếp nuôi con nếu lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

[5] Tài sản chung và nợ chung: Theo nội dung đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết. Bị đơn vắng mặt không tham gia giải quyết vụ án, không có văn bản trình bày ý kiến phản hồi của mình đối với phần tài sản chung, nợ chung của vợ chồng để làm căn cứ xem xét giải quyết. Xét thấy rằng, yêu cầu của nguyên đơn đề nghị Tòa án không xem xét, giải quyết đối với phần tài sản chung, nợ chung của vợ chồng không nhằm mục đích trốn tránh thực hiện nghĩa vụ với Nhà nước hoặc với bên thứ ba, do đó Hội đồng xét xử chấp nhận. Tài sản chung, nợ chung của vợ chồng chưa được giải quyết (nếu có), sau này nếu xảy ra tranh chấp hai bên tự thỏa thuận hoặc có quyền khởi kiện để giải quyết bằng một vụ án khác theo quy định của pháp luật.

[6] Về án phí: Nguyên đơn chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các Điều 51; 56; 81; 82 và 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 4 Điều 147 BLTTDS; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chấp nhận đơn yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh **Trương Văn S** được ly hôn chị **Trương Thị T**.

2. Con chung: Giao con chung **Trương Thị Hồng N1**, sinh ngày 04/7/2013 cho anh **Trương Văn S** trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi, trưởng thành hoặc khi có sự thay đổi về người trực tiếp nuôi con theo quy định của pháp luật. Tạm hoãn thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung đối với chị **Trương Thị T**.

Bên không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở. Vì lợi ích mọi mặt của con chung, khi có lý do chính đáng hoặc có căn cứ theo quy định của pháp luật, trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức có thẩm quyền thì Tòa án có thể quyết định về việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc buộc thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo quy định. Người không trực tiếp nuôi con nếu lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về án phí: Nguyên đơn anh **Trương Văn S** chịu án phí dân sự sơ thẩm 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp tạm ứng án phí theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số: 0003629 ngày 18/5/2026 tại Cơ quan thi hành án dân sự tỉnh Nghệ An.

Án xử công khai sơ thẩm vắng mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn. Nguyên đơn và bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Nghệ An;
- VKSND tỉnh Nghệ An;
- VKSND khu vực 10 – Nghệ An;
- Cơ quan THADS tỉnh Nghệ An;
- UBND xã Minh Hợp, tỉnh Nghệ An;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Hà Văn Đông